

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 245/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 7 năm 2019

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với một số đối tượng người có công với cách mạng và chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ nghèo không còn sức lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Xét Tờ trình số 4329/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với một số đối tượng người có công với cách mạng và chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ nghèo không còn sức lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với một số đối tượng người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

1. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

d) Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

đ) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

2. Mức hỗ trợ

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ thương tật, bệnh tật, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên: 1.000.000 đồng/người/tháng.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì không được hưởng trợ cấp khó khăn đột xuất theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc quyết định chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Người có công với cách mạng đang được phụng dưỡng tại Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng thành phố Đà Nẵng thì không được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

4. Hồ sơ thủ tục, quy trình, thời gian và thẩm quyền xét duyệt

a) Hồ sơ, quy trình và thẩm quyền xét duyệt

- Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ vào danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng của đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều này kiểm tra, lập danh sách và có văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp, lập danh sách và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, kiểm tra và ban hành

Quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng.

b) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Tại Ủy ban nhân dân xã, phường: 05 ngày;
- Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện: 03 ngày;
- Tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 ngày;

5. Thời hạn áp dụng chính sách hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng chính sách từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 cho đến tháng đối tượng từ trần hoặc thôi hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng tại thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2. Quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc hộ nghèo không còn sức lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

1. Đối tượng áp dụng

Người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng (gọi chung là người có công) thuộc hộ nghèo không còn sức lao động theo chuẩn thành phố.

2. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều này thì không được tiếp tục hưởng chính sách trợ cấp được quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sau đây:

a) Nghị quyết số 86/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 thông qua chính sách trợ cấp hàng tháng đối với người có công cách mạng đang hưởng mức trợ cấp thấp.

b) Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 quyết định chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Nghị quyết 195/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc thông qua nâng mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, áp dụng trong 2 năm (2019-2020) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định khác về sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo của thành phố; thay thế chuẩn nghèo của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng áp dụng cho từng giai đoạn.

4. Hồ sơ thủ tục, quy trình, thời gian và thẩm quyền xét duyệt

a) Hồ sơ

Đơn đề nghị của đối tượng hoặc gia đình người có công gửi Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hộ khẩu thường trú.

b) Quy trình, thẩm quyền xét duyệt

- Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, chống trùng với các đối tượng đã được hưởng các chính sách hỗ trợ tại Khoản 3 Điều này, tổng hợp trình Hội đồng chính sách xã, phường xét duyệt, lập danh sách (*kèm theo hồ sơ, biên bản xét duyệt*) và có văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận, kiểm tra, chống trùng với các đối tượng đã được hưởng các chính sách hỗ trợ tại Khoản 3 Điều này, tổng hợp, lập danh sách (*kèm theo hồ sơ*) và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và ban hành quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng.

c) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Tại Ủy ban nhân dân xã, phường: 07 ngày;

- Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện: 03 ngày;

- Tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày;

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện:** Từ nguồn ngân sách thành phố.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

**Điều 5: Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- UBND TP, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính;
- Cục Người có công, Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- ĐB HĐND TP; Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBMTTQVN, các sở, ngành, đoàn thể TP;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Quận, Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN quận, huyện; HĐND, UBND xã, phường;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT THVN tại ĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Nho Trung**